

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
V/v: Tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân;
- Bà Nguyễn Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: anh Vương Văn S, sinh năm 1977, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Về vấn đề hôn nhân: chị và anh Vương Văn S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C vào ngày 30/7/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh S có người phụ nữ khác. Từ tháng 10/2022, cho đến nay vợ chồng sống ly thân, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống; còn anh S bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Chị không xác định được hiện nay anh S đang sống với ai và tại địa chỉ nào.

Về con chung: chị và anh S chung có 02 người con chung tên Vương Văn L1, sinh năm 1997 và Vương Thị N, sinh năm 2002; hiện nay con chung đã thành niên, có khả năng lao động và tự sinh sống được, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Hai con chung hiện nay đang sinh sống tại nhà đất đứng tên anh S tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C (căn nhà trên đất là do vợ chồng chị cùng xây dựng trong thời kỳ hôn nhân).

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh S chung có tài sản chung là 01 phần đất và căn nhà trên đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nguồn gốc đất là của cha mẹ anh S cho; căn nhà trên đất là do vợ chồng chị cùng xây dựng trong thời kỳ hôn nhân); về nợ chung không có. Về tài sản chung, nợ chung chị và anh S tự thương lượng và giải quyết với nhau, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu được ly hôn với anh Vương Văn S. Về con chung hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động và tự sinh sống được, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh S tự thỏa thuận, thương lượng với nhau về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho anh Vương Văn S hợp lệ nhưng anh Vương Văn S không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai, lời trình bày.

Tại phiên tòa chị L, anh S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật liên quan. Anh S đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: căn cứ vào các Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L đối với anh Vương Văn S.

Về con chung: chị L và anh S chung có 02 người con chung tên là Vương Văn L1, sinh năm 1997 và Vương Thị N, sinh năm 2002; hiện nay con chung đã thành niên, có khả năng lao động và tự sinh sống được. Chị L không yêu cầu giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét.

Chị L không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Vương Văn S có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Thùy L vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh Vương Văn S đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh S chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30/7/2002. Do vậy hôn nhân của chị L, anh S là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 30/7/2002 và được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân anh S tự bỏ nhà ra ngoài sinh sống. Chị L và anh S ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Vương Văn S.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho anh S, nhưng anh S không đến Tòa án nên không có lời khai, lời trình bày.

Chị L, anh S ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay và chị L nộp đơn khởi kiện ly hôn vào ngày 12/5/2023, nhưng anh S không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh S. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L đối với anh Vương Văn S.

[3] Về con chung: chị L, anh S chung có 02 người con chung tên là Vương Văn L1, sinh năm 1997 và Vương Thị N, sinh năm 2002; hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động và tự sinh sống được. Chị L không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L đối với anh Vương Văn S

Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Vương Văn S.

2. Về con chung: chị L, anh S chung có 02 người con chung tên là Vương Văn L1, sinh năm 1997 và Vương Thị N, sinh năm 2002; hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động và tự sinh sống được. Chị L không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018613 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Vĩnh, H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân

